

Số: 361 /SGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

V/v báo cáo tình hình thu học phí năm học 2021-2022, đề xuất mức thu học phí năm học 2022-2023

- Kính gửi:
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã;
  - Thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở;
  - Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, trường Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thực hiện Chương trình công tác của UBND Thành phố năm 2022.

Để có cơ sở báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị đơn vị báo cáo tình hình thực hiện thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2021-2022 và đề xuất mức thu học phí năm học 2022-2023 (chi tiết theo đề cương báo cáo và các phụ biểu đính kèm), cụ thể:

- Phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc lập báo cáo và tổng hợp báo cáo (theo mẫu số 01a, 01b kèm theo Công văn này);
- Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, lập báo cáo theo đề cương và các phụ biểu (theo mẫu số 02a, 02b kèm theo Công văn này);
- Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo mẫu số 03a, 03b, 3c kèm theo Công văn này và quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền cho đơn vị năm 2021, 2022).

Báo cáo và các phụ biểu (01 bản ký đóng dấu) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) số 23 Quang Trung, quận Hoàn

Kiểm, Hà Nội trước ngày 25/02/2022, đồng thời gửi file văn bản theo địa chỉ email [kh-tc@hanoiedu.vn](mailto:kh-tc@hanoiedu.vn).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin liên hệ đồng chí Tuyết số điện thoại 0912 624 068.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Thế Cường**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022**

(Báo cáo theo Công văn số /SGDDT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh										Thu học phí								
		Số lớp	Tổng số học sinh	Đối tượng miễn học phí							Đối tượng giảm học phí						Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp	Tổng số thu (ngàn đồng)
				Học sinh (người)							Trong đó									
				Tổng số miễn	Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 ND81)	Các đối tượng khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND 81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức viên chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức viên chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí					
1	2	3	4	5=6+.+11	6	7	8	9	10	11	12= 13 + 14 +15	13	14	15	16	17	18			
<b>Trường .....</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
	Khối 10			-																
	Khối 11			-																
	Khối 12			-																

Ngày tháng năm 2022

**Người lập**

**Thủ trưởng đơn vị**



**DỰ TOÁN LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023**  
 (Báo cáo theo Công văn số /SGDDT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh											Thu học phí					
		Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tuyến	Tổng số thu (ngàn đồng)
				Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí									
				Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 ND81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND 81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ... (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức viên chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND 81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)					
1	2	3	4	5=6+.+.11	6	7	8	9	10	11	12= 13 + 14 +15	13	14	15	16	17	18	
<b>Trường .....</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Khối 10		-															
	Khối 11		-															
	Khối 12		-															

Ngày tháng năm 2022

**Người lập**

**Thủ trưởng đơn vị**

**DỰ TOÁN LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022**

(Báo cáo theo Công văn số /SGDDT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo )

STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh										Thu học phí					
		Số lớp	Tổng số học sinh	Đối tượng miễn học phí							Đối tượng giảm học phí			Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tiếp	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tuyến	Tổng số thu (ngàn đồng)	
				Trong đó							Con cán bộ, công chức ... TCTX được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức ... TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND 81)				Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)
				Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 ND81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND 81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm							
1	2	3	4	5=6+...+11	6	7	8	9	10	11	12= 13 + 14 +15	13	14	15	16	17	18
<b>Trường .....</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Khởi ...		-								-						
	Khởi ...		-								-						
	Khởi ...		-								-						
	Khởi ...		-								-						

Ngày tháng năm 2022

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN...  
**Trường .....**

**PHỤ BIỂU SỐ 03b**

**DỰ TOÁN LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023**

(Báo cáo theo Công văn số /SGDDĐT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Số lớp	Tổng số học sinh	Trường lớp, học sinh										Thu học phí			
				Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp		
				Trong đó													
				Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí					Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp		
				Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 ND81)	Các đối tượng khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND81)	Con cán bộ, công chức viên chức... TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND81)			Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)
1	2	3	4	5=6+...+11	6	7	8	9	10	11	12= 13+ 14+15	13	14	15	16	17	18
<b>Trường .....</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Khởi ...		-														
	Khởi ...		-														
	Khởi ...																
	Khởi ...		-														

Ngày tháng năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người lập



Trường .....

**ĐỀ XUẤT MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Công văn số ..... ngày .../.../ 2022 của .....)

STT	Tên đơn vị	Mức thu Năm học 2021-2022 (triệu đồng/học sinh/tháng), tỷ lệ %	Năm học 2022-2023	
			Mức thu (triệu đồng/học sinh/tháng), tỷ lệ %	Cơ sở đề xuất
	<b>Trường .....</b>			
<b>1</b>	<b>Mức thu ..... (Thực hiện, đề xuất)</b>			
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>			
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>			
<b>2</b>	<b>Mức thu ..... (Thực hiện, đề xuất)</b>			
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>			
	<i>Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề</i>			
	.....			

Ngày tháng năm 2022

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022

(Báo cáo theo Công văn số /SGDDT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh										Thu học phí							
		Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp	Theo hình thức học trực tuyến	Tổng số thu (ngàn đồng)	
				Đối tượng miễn học phí					Trong đó										Đối tượng giảm học phí
				Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND81)	Con cán bộ, công chức viên chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND81)						
1	2	3	4	5=6+...+11	6	7	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17	18		
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
A	<b>Giáo dục mầm non</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	<b>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 5 tuổi)</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	<b>Mầm non vùng thành thị</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1.1	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1.2	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	<b>Mầm non vùng nông thôn</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2.1	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2.2	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		



STT	Trường lớp, học sinh										Thu học phí						
	Đơn vị	Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)			
		Trong đó															
		Số lớp học sinh	Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí									
			Tổng số học sinh	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 15 Điều 15 ND81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND81)	Con cần bộ, công chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND81)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) <td>Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) <td>Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) </td></td>	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) <td>Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) </td>	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)			
1	2	3	4	5=6+...+11	6	7	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17	18
3	Mầm non vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Đơn vị .....																
3.2	Đơn vị .....																
II	Trẻ em mầm non 5 tuổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Mầm non vùng thành thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đơn vị .....																
1.2	Đơn vị .....																
2	Mầm non vùng nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đơn vị .....																
2.2	Đơn vị .....																
3	Mầm non vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Đơn vị .....																
3.2	Đơn vị .....																
B	Giáo dục THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Trường lớp, học sinh										Thu học phí						
	Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Theo hình thức học trực tiếp				
	Số lớp	Tổng số học sinh	Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí									
			Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 NĐ81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 NĐ81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 NĐ81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 NĐ81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 NĐ81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 NĐ81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 NĐ81)	Con cán bộ, công chức viên chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 NĐ81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 NĐ81)					
1	2	3	4	5=6+.+11	6	7	8	9	10	11	12= 13 + 14 +15	13	14	15	16	17	18
I	THCS vùng thành thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đơn vị .....																
	Đơn vị .....																
II	THCS vùng nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đơn vị .....																
	Đơn vị .....																
III	THCS vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đơn vị .....																
	Đơn vị .....																
C	Giáo dục thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	GDTX cấp THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	GDTX vùng thành thị																
2	GDTX vùng nông thôn																
3	GDTX vùng miền núi																



STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh										Thu học phí					
		Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng)				
		Trong đó															
		Số lớp	Tổng số học sinh	Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí								
Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 ND81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)			Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ... (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND81)	Cơ quan chức năng TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND81)						
1	2	3	4	5=6+...+11	6	7	8	9	10	11	12= 13 + 14 +15	13	14	15	16	17	18
<b>II</b>	<b>GDTX cấp THPT</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	GDTX vùng thành thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	GDTX vùng nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	GDTX vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ngày tháng 02 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người lập

Ghi chú: Trường hợp các quận hoặc các huyện, thị xã không có các cơ sở giáo dục thuộc vùng nông thôn, miền núi thì bỏ dòng đó đi.



**DỰ TOÁN TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH VÀ SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023**

(Báo cáo theo Công văn số /SGDDT-KHTC /02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Số lớp	Trường lớp, học sinh										Thu học phí	
			Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tiếp	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tuyến
			Trong đó											
			Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí					Tổng số thu (ngàn đồng)	
			Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công (Khoản 1 Điều 15 NĐ81)	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 NĐ81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 NĐ81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 NĐ 81)	Trẻ em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 NĐ81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 NĐ81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con căn chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)		
1	2	3	4	5=6+7		7	8=9+10+11	9	10	12	13			
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>A</b>	<b>Giáo dục mầm non</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>I</b>	<b>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 5 tuổi)</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Mầm non vùng thành thị</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Mầm non vùng nông thôn</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Mầm non vùng miền núi</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đơn vị .....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Trẻ em mầm non 5 tuổi</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Mầm non vùng thành thị</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Trường lớp, học sinh										Thu học phí					
	Đơn vị	Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh (người)							Mức thu (ngân đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tiếp	Mức thu (ngân đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tuyến	Tổng số thu (ngân đồng)			
				Đối tượng miễn học phí				Trong đó						Đối tượng giảm học phí		
				Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND 81)	Tre em non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ.. (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND 81)				Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)		
1	2	3	4	5=6+7	8	9	10	11	12	13						
1.1	Đơn vị .....															
1.2	Đơn vị .....															
2	Mầm non vùng nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
2.1	Đơn vị .....															
2.2	Đơn vị .....															
3	Mầm non vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
3.1	Đơn vị .....															
3.2	Đơn vị .....															
B	Giáo dục THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
I	THCS vùng thành thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	Đơn vị .....															
	Đơn vị .....															
II	THCS vùng nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	Đơn vị .....															
	Đơn vị .....															
III	THCS vùng miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	Đơn vị .....															
	Đơn vị .....															
C	Giáo dục thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				



STT	Đơn vị	Trường lớp, học sinh										Thu học phí			
		Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh (người)										Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tiếp	Mức thu (ngàn đồng/học sinh/tháng) Theo hình thức học trực tuyến
				Đối tượng miễn học phí					Đối tượng giảm học phí						
				Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh người có công	Khuyết tật (Khoản 2 Điều 15 ND81)	Các đối tượng không có nguồn nuôi dưỡng.. (Khoản 3 Điều 15 ND81)	Thuộc diện hộ nghèo (Khoản 4 Điều 15 ND81)	Tre em mầm non 5 tuổi ở thôn, bản đặc biệt khó khăn... (Khoản 5 Điều 15 ND81)	Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ... (Khoản 7 Điều 15 ND81)	Tổng số giảm	Người dân tộc thiểu số... được giảm 70% học phí (điểm c khoản 1 Điều 16 ND 81)	Con cán bộ, công chức .. TCTX được giảm 50% học phí (điểm a khoản 2 Điều 16 ND 81)	Thuộc diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí (điểm b khoản 2 Điều 16 ND 81)		
1	2	3	4	5=6+7					7	8=9+10+11	9	10	12	13	
<b>I</b>	<b>GDTX cấp THCS</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	GDTX vùng thành thị														
2	GDTX vùng nông thôn														
3	GDTX vùng miền núi														
<b>II</b>	<b>GDTX cấp THPT</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	GDTX vùng thành thị														
2	GDTX vùng nông thôn														
3	GDTX vùng miền núi														

Người lập

Ngày tháng 02 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: Trường hợp các quận hoặc các huyện, thị xã không có các cơ sở giáo dục thuộc vùng nông thôn, miền núi thì bỏ dòng đó đi, mức thu tạm tính theo năm học trước.